TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 01-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Ông Sử Văn Trai Em

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quảng Thị Mỹ H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre *(Xin vắng mặt)*

- Bị đơn: Anh Phan Văn K, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp V, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Quảng Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh Phan Văn K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/7/2013 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, chị và anh K chung sống tại nhà cha mẹ chị ở ấp Tân Hoà Trong, xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Thời gian vợ cH chung sống hạnh phúc được khoảng chín năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ cH bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung,

không thể sống hoà hợp, hạnh phúc. Trước khi nộp đơn ly hôn chị và anh K đã sống ly thân khoảng 06 tháng. Nay chị thấy không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh K được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung họ tên Phan Ngọc Anh Thư, sinh ngày 10/5/2015, hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, không cung cấp văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quảng Thị Mỹ H. Về hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh Phan Văn K. Về con chung: Phan Ngọc Anh Thư, sinh ngày 10/5/2015, giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: chị H có nghĩa vụ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Quảng Thị Mỹ H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Phan Văn K và yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh K có nơi cư trú tại ấp V, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H. Anh K đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/7/2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị H và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H xác định là do vợ cH bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ cH không thể chung sống hoà hợp, hạnh phúc. Chị và anh K sống ly thân một thời gian nhưng không thể hàn gắn. Anh K đã được Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên hoà giải nhưng anh không đến chứng tỏ anh K cũng không có thiện chí đoàn tụ. Đồng thời, anh K cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến hay phản đối lời trình bày của chị H. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh K.

[5] Xét về con chung: Chị H và anh K có một con chung họ tên Phan Ngọc Anh Thư, sinh ngày 10/5/2015, hiện đang sống chung với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung và có xem xét đến nguyện vọng của con nên để cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Hơn nữa, anh K cũng không đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[6] Xét về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung, anh K không đưa ra yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị H trình bày không có nợ chung, anh K không đưa ra yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quảng Thị Mỹ H. Cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Quảng Thị Mỹ H được ly hôn với anh Phan Văn K.

2. Về con chung: Chị H và anh K có một con chung họ tên Phan Ngọc Anh Thư, sinh ngày 10/5/2015, hiện đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung, anh K không đưa ra yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H trình bày không có nợ chung, anh K không đưa ra yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị H có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002225 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân